

Số: 544/QĐ-ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 29 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành
Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Căn cứ Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2910/QĐ-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính-Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 03 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 49/QĐ-TCQTKD ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh quy định về xây dựng, thẩm định, ban hành áp dụng chương trình đào tạo mới; rà soát, đánh giá, cải tiến chương trình đào tạo các trình độ đào tạo của trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26 tháng 01 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính-QTKD ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 541/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính-QTKD ban hành Chuẩn đầu ra trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng;

Căn cứ Quyết định số 542/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 29 tháng 09 năm 2022 của Trường Đại học Tài chính-QTKD ban hành Chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng;

Theo đề nghị của Trường phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Bản mô tả chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường các đơn vị chức năng và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH, CTHĐT;
- Các đơn vị;
- Công TTĐT Trường;
- Lưu: VT; QLĐT.

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ
KINH DOANH
TS. Nguyễn Trọng Nghĩa

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

(Kèm theo Quyết định số 544/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 29 tháng 9 năm 2022
của Trường Đại học Tài chính- Quản trị kinh doanh)

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chung về chương trình đào tạo (CTĐT) chuyên ngành ngành Tài chính - Ngân hàng

Chương trình đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng nhằm đào tạo các chuyên gia tài chính – ngân hàng trong tương lai với nền tảng kiến thức rộng và chuyên sâu trong mỗi một lĩnh vực cụ thể thuộc về tài chính – ngân hàng. Tùy thuộc vào sự lựa chọn các nhóm kiến thức chuyên sâu của mỗi học viên, chương trình hướng đến các chuyên ngành chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, chuẩn bị cho học viên sẵn sàng đảm nhiệm những vị trí quản lý trong các công ty, tập đoàn kinh tế, công ty đa quốc gia, các định chế tài chính ngân hàng, bảo hiểm... Chương trình thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng giúp người học hiểu sâu về lý thuyết kinh tế tài chính – ngân hàng có liên quan, vận dụng và thực hành một cách nhuần nhuyễn các kiến thức chuyên ngành vào thế giới thực trong thị trường tài chính – ngân hàng không ngừng biến động. Qua đó, phát triển tư duy nhận thức và khả năng ứng dụng các kiến thức, hiểu biết chuyên sâu để giải quyết các vấn đề trong môi trường toàn cầu và biến động. Tùy thuộc vào sự lựa chọn các khối kiến thức chuyên sâu trong từng lĩnh vực mà người học sẽ vận dụng các khối kiến thức có liên quan để tổ chức, phân tích và ra quyết định trong hoạt động của tổ chức kinh tế mà mình làm việc.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo ngành chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng

Tên chương trình (Tiếng Việt): Tài chính – ngân hàng

Tên chương trình (Tiếng Anh): Finance - Banking

Mã ngành đào tạo: 7340201

Đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Hình thức đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 2 năm

2. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH

“NHÂN VĂN - THỰC NGHIỆP – PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Ý nghĩa chung của triết lý giáo dục: Với triết lý giáo dục “ NHÂN VĂN – THỰC NGHIỆP – PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG ”, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh hướng đến mục tiêu đào tạo con người sống có trách nhiệm, có kiến thức, kỹ năng, đáp ứng nhu cầu của xã hội và hướng tới phục vụ cộng đồng.

Ý nghĩa cụ thể:

- **NHÂN VĂN:** Là quan điểm giáo dục người học trở thành công dân tốt, có đạo đức, có ý thức trách nhiệm với nghề nghiệp.
- **THỰC NGHIỆP:** Là quan điểm giáo dục gắn liền với thực tiễn, học phải đi đôi với hành, sinh viên được đào tạo, nghiên cứu theo định hướng ứng dụng, hình thành năng lực nghề nghiệp, khả năng NCKH khi học tập tại trường và áp dụng được ngay kiến thức vào quá trình làm việc sau khi tốt nghiệp.
- **PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG:** Nhà trường tạo ra môi trường văn hoá học tập ứng dụng và nuôi dưỡng khát vọng phục vụ cộng đồng của sinh viên. Sinh viên khi ra trường trở thành người hữu ích cho xã hội, có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng./.

3. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng có kiến thức chuyên môn sâu, hiện đại về tài chính - ngân hàng; có năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề thực tiễn phức tạp trong công việc, có khả năng nghiên cứu độc lập, tư duy sáng tạo, có năng lực điều hành và thực hiện các hoạt động của các tổ chức tài chính – ngân hàng và các tổ chức xã hội khác.

3.2. Mục tiêu cụ thể

MT1: Mở rộng, nâng cao và cập nhật cho học viên các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng;

MT2: Làm chủ kiến thức chuyên ngành, có thể đảm nhiệm công việc của chuyên gia trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng; có tư duy phản biện; có kiến thức lý thuyết chuyên sâu để có thể phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ;

MT3: Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, quản lý liên quan đến lĩnh vực tài chính - ngân hàng;

MT4: Có được kỹ năng nghiên cứu, phân tích, đánh giá chính sách và sử dụng các công cụ chính sách tài chính – ngân hàng trong lĩnh vực chuyên môn; có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo; có kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá một cách toàn diện các vấn đề tài chính - ngân hàng ở tầm vĩ mô;

MT5: Có kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp trong giải quyết công việc hàng ngày;

MT6: Có đạo đức, có trách nhiệm trong chuyên môn nghề nghiệp;

MT7: Có ý thức và trách nhiệm phục vụ cộng đồng, xã hội và cũng như ý thức bảo vệ lợi ích tổ chức và quốc gia.

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
4.1	Yêu cầu về kiến thức	
4.1.1	<i>Kiến thức chung</i>	
CĐR1	Liên hệ được các kiến thức cơ sở đã được đào tạo ở bậc đại học ngành Tài chính - Ngân hàng. Hiểu biết đầy đủ về thực trạng và xu hướng thay đổi của hoạt động kinh tế quốc gia và quốc tế.	4/6
CĐR2	Lựa chọn và vận dụng tốt các công cụ, chỉ tiêu phân tích kinh tế chủ yếu.	4/6
4.1.2	<i>Kiến thức chuyên ngành</i>	
CĐR3	Liên hệ thực tế những kiến thức nâng cao về tài chính tiền tệ, về ngân hàng trung ương và quản trị các ngân hàng thương mại và các định chế tài chính trung gian phi ngân hàng, hoạt động tài chính doanh nghiệp, phân tích đầu tư tài chính - chứng khoán, quản trị danh mục đầu tư, về pháp luật trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng...	4/6
CĐR4	Phân tích được cấu trúc, cơ chế vận hành và quản lý của hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường	4/6
CĐR5	Đánh giá được các chính sách tài chính và đề xuất các chính sách nhằm phát triển hệ thống tài chính, góp phần vào sự ổn định và phát triển nền kinh tế	6/6
4.2	Yêu cầu về kỹ năng	
4.2.1	<i>Kỹ năng nghề nghiệp</i>	
CĐR6	Sắp xếp lại và ra quyết định trong quản trị các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng; phân tích, đánh giá dự án đầu tư, giúp lãnh đạo đưa ra quyết định lựa chọn dự án đầu tư; lập và phân tích các báo cáo tài chính phục vụ công tác quản trị tài chính doanh nghiệp; quản trị danh mục đầu tư; xây dựng và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, hạn chế và kiểm soát rủi ro tài chính doanh nghiệp.	4/5
CĐR7	Chỉ ra và chủ động thực hiện các chế độ, các chuẩn mực, chính sách, quy định, luật pháp về quản lý kế toán, tài chính, thuế, bảo hiểm trong hoạt động của doanh nghiệp.	5/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CDR8	Nắm vững các chính sách vĩ mô liên quan đến hoạt động tài chính- ngân hàng.	3/5
CDR9	Giải quyết các công việc tài chính đặc thù của công ty đa quốc gia.	4/5
CDR10	Tư duy, phản biện, nghiên cứu và giải quyết vấn đề trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng.	4/5
CDR11	Thiết kế và tổ chức thực hiện tốt các chiến lược, chính sách và kế hoạch cho các tổ chức thuộc lĩnh vực tài chính- ngân hàng	4/5
4.2.2	Kỹ năng chung	
CDR12	Phát triển kỹ năng tiếp cận các khoa học chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề khoa học liên quan ở cấp độ phù hợp với trình độ đào tạo.	4/5
CDR13	Nắm vững kỹ năng viết và trình bày về một vấn đề khoa học trọn vẹn.	3/5
CDR14	Nắm vững quy định luật pháp, quản lý trong giải quyết các vấn đề về kinh tế.	4/5
CDR15	Thiết kế phân tích định lượng, thống kê thông qua việc ứng dụng các phần mềm phân tích kinh tế lượng, thống kê và toán	5/5
CDR16	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo thuộc ngành đào tạo.	4/5
CDR17	Kết hợp đánh giá và phản biện vấn đề trên cơ sở khoa học với các luận cứ chắc chắn.	5/5
CDR18	Đạt tới kỹ năng sử dụng thành thạo ngoại ngữ trong giao tiếp, học tập, nghiên cứu và trong công việc. Đạt trình độ Bậc 4 trong Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo	4/5
4.3	Yêu cầu về năng lực tự chủ và trách nhiệm	
CDR19	Tôn trọng nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	5/5
CDR20	Phối hợp xử lý hài hoà lợi ích cá nhân, tập thể, tổ chức và quốc gia	4/5

STT	Chuẩn đầu ra	Trình độ năng lực*
CĐR21	Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các quy định đặc thù của nghề nghiệp	5/5
CĐR22	Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.	5/5

Bảng 1. Quan hệ giữa mục tiêu (MT) với chuẩn đầu ra (CĐRs) của CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Mục tiêu đào tạo						
	MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
CĐR1	X						
CĐR2		X					
CĐR3		X					
CĐR4		X					
CĐR5		X					
CĐR6				X	X		
CĐR7				X	X		
CĐR8				X	X		
CĐR9				X	X		
CĐR10				X	X		
CĐR11				X	X		
CĐR12				X	X		
CĐR13					X		
CĐR14			X		X		
CĐR15					X		
CĐR16				X	X		
CĐR17				X	X		
CĐR18	X	X					
CĐR19						X	X
CĐR20						X	X
CĐR21						X	X
CĐR22					X	X	X

5. CƠ HỘI HỌC TẬP, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ VÀ PHÁT TRIỂN NGHỀ NGHIỆP SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể học tập, nâng cao trình độ bằng cách tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Tài chính – Ngân hàng.

- Sau khi tốt nghiệp, học viên có thể đảm nhiệm các công việc hoặc phát triển lên các vị trí mới chuyên sâu hoặc phức tạp hơn liên quan đến chuyên môn về Tài chính – Ngân hàng.

6. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

6.1. Thông tin tuyển sinh

1. Yêu cầu đối với người dự tuyển:

a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp, yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu (bao gồm: bài nghiên cứu đăng trên tạp chí, kỷ yếu hội thảo khoa học trong và ngoài nước có mã số ISSN, ISBN; thành viên tham gia đề tài nghiên cứu khoa học được cấp có thẩm quyền phê duyệt).

b) Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

c) Đáp ứng các yêu cầu khác của chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo quy định của chương trình đào tạo.

2. Ngành phù hợp được nêu tại mục 1 là ngành đào tạo ở trình độ đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) trang bị cho người học nền tảng chuyên môn cần thiết để học tiếp chương trình đào tạo thạc sĩ của ngành tương ứng, được quy định cụ thể trong chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo thạc sĩ. Các ngành phù hợp được đăng ký dự tuyển và học bổ sung kiến thức được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh hàng năm đối với từng chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ.

3. Ứng viên đáp ứng yêu cầu quy định tại điểm b mục 1 khi có một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

a) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b) Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế này hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d) Trường hợp người dự tuyển chưa có một trong các văn bằng chứng chỉ nêu trên thì phải tham dự kỳ thi đánh giá năng lực trình độ ngoại ngữ bậc 3 do Trường tổ chức

(hoặc phối hợp với một trường có đủ năng lực đánh giá năng lực ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo) và có kết quả đánh giá đạt trình độ ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

4. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên).

5. Phương thức tuyển sinh: Áp dụng theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

6.2. Tổ chức và quản lý đào tạo

Thực hiện theo quy định hiện hành của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

6.3. Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp

Học viên hoàn thành chương trình đào tạo và đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh.

7. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Căn cứ Quyết định số 490/QĐ –ĐHTCQTKD ngày 16/9/2022 của Hiệu trưởng về việc ban hành Hướng dẫn sử dụng các phương pháp giảng dạy trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh, một số phương pháp giảng dạy được áp dụng trong chương trình đào tạo thạc sĩ: Thuyết trình; Phát vấn; Giải quyết vấn đề; Thảo luận và đối thoại; Nghiên cứu trường hợp điển hình; Dạy học theo dự án.

Bảng 2. Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy, học tập với chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Phương pháp giảng dạy và học tập					
	Thuyết trình	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Thảo luận và đối thoại	Nghiên cứu trường hợp điển hình	Dạy học theo dự án
CĐR1	X	X	X	X		
CĐR2	X	X	X	X		
CĐR3	X	X	X	X	X	
CĐR4	X	X	X	X	X	
CĐR5	X	X	X	X	X	
CĐR6	X	X	X	X	X	X
CĐR7	X	X	X	X	X	
CĐR8	X	X	X	X		
CĐR9	X	X	X	X	X	X
CĐR10	X	X	X	X	X	X
CĐR11	X	X	X	X		
CĐR12	X	X	X	X		

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Phương pháp giảng dạy và học tập					
	Thuyết trình	Phát vấn	Giải quyết vấn đề	Thảo luận và đối thoại	Nghiên cứu trường hợp điển hình	Dạy học theo dự án
CĐR13	X	X	X	X	X	X
CĐR14	X	X	X	X	X	X
CĐR15	X	X	X	X	X	
CĐR16	X	X	X	X		
CĐR17	X	X	X	X	X	
CĐR18	X	X	X	X		
CĐR19	X	X	X	X		
CĐR20	X	X	X	X		
CĐR21	X	X	X	X		
CĐR22	X	X	X	X		

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

8.1. Nội dung đánh giá

a. Đánh giá học phần

Đánh giá học phần theo Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26/01/2022 và Quyết định số 690/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 19/11/2018 của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh quy định về thực hiện tiểu luận, đề án môn học đối với học viên cao học; Quyết định số 231/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 24/05/2022 của Trường Đại học Tài chính - Quản trị kinh doanh về việc bổ sung hình thức làm bài tập lớn cho học viên cao học chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng.

- Đánh giá quá trình tham gia học tập (Ý thức, thái độ tham gia lớp học): Tính theo thời gian học viên tham gia học tập trực tiếp hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến đảm bảo số lượng và chất lượng các hoạt động học tập, các bài tập đã thực hiện cũng như các ý kiến trao đổi, thảo luận với giảng viên, học viên khác trong lớp. Điểm đánh giá quá trình được tính trọng số 0,1.

- Điểm kiểm tra học phần: Tính theo kết quả làm bài tập điều kiện hoặc bài kiểm tra trên lớp trực tiếp. Số bài kiểm tra tương ứng với số tín chỉ của học phần, bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra giữa kỳ. Điểm kiểm tra học phần tính trọng số 0,2.

- Điểm đánh giá kết thúc học phần:

+ Điều kiện để học viên được tham gia đánh giá: Tham dự tối thiểu 80% số thời gian trên lớp; có điểm đánh giá quá trình tham gia học tập, điểm kiểm tra học phần không bị liệt (điểm > 0).

+ Hình thức đánh giá kết thúc học phần được quy định trong đề cương chi tiết của học phần: đề án môn học, bài tập lớn, bài tập lớn vấn đáp, tiểu luận (gọi chung

là bài tập lớn).

+ Điểm đánh giá kết thúc học phần được tính trọng số 0,7.

- Điểm đánh giá quá trình tham gia học tập, điểm kiểm tra và điểm đánh giá kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm tổng kết học phần (gọi tắt là điểm học phần) được tính theo công thức sau (làm tròn đến một chữ số thập phân):

$$a_i = u_1 \times \text{ĐQT} + u_2 \times \text{ĐKT} + u_3 \times \text{ĐGKTHP}$$

Trong đó: a_i là điểm học phần được đánh giá; u_1, u_2, u_3 lần lượt là trọng số của điểm quá trình (ĐQT), điểm kiểm tra (ĐKT), điểm đánh giá kết thúc học phần (ĐGKTHP). Học phần đạt yêu cầu (học phần tích lũy) khi có điểm tổng kết học phần từ 5,5 trở lên.

b. Đánh giá luận văn tốt nghiệp

Luận văn tốt nghiệp phải đảm bảo yêu cầu, nội dung, hình thức theo quy định tại Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Quyết định số 43/QĐ-ĐHTCQTKD ngày 26/01/2022.

Luận văn được đánh giá bằng hình thức bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn Thạc sĩ theo Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh. Học viên phải đảm bảo các điều kiện theo quy định mới được bảo vệ luận văn thạc sĩ.

Điểm luận văn là trung bình cộng điểm chấm của các thành viên hội đồng có mặt trong buổi đánh giá luận văn theo thang điểm 10; được xếp loại đạt khi lớn hơn hoặc bằng 5,5 điểm.

8.2. Phương pháp, công cụ đánh giá

Phương pháp, công cụ đánh giá có thể vận dụng theo các Rubric được quy định trong Quyết định số 448/QĐ-TCQTKD ngày 17/8/2022.

8.2.1. Đánh giá quá trình tham gia học tập

Là đánh giá ý thức học tập và tính độc lập, sáng tạo của học viên (điểm danh sự có mặt của học viên, ý thức, thái độ trong việc chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, xây dựng bài và làm bài tập của học viên).

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	50%	Rất tích cực tham gia trao đổi, hỏi đáp, phát biểu ý kiến	Tương đối tích cực tham gia trao đổi, hỏi đáp, phát biểu ý kiến	Có tham gia trao đổi, hỏi đáp, phát biểu ý kiến	Ít tham gia trao đổi, hỏi đáp, phát biểu ý kiến	Không tham gia trao đổi, hỏi đáp, phát biểu ý kiến

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	50%	Nghỉ 0% số giờ lên lớp của học phần	Nghỉ trên 0% đến 5% số giờ lên lớp của học phần	Nghỉ trên 5% đến 10% số giờ lên lớp của học phần	Nghỉ trên 10% đến 20% số giờ lên lớp của học phần	Nghỉ quá 20% số giờ lên lớp của học phần

8.2.2. Đánh giá bài tập nhóm/ seminar

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Thời gian tham gia họp nhóm	10	Tham gia đầy đủ số lần họp nhóm	Tham gia 75-90% số lần họp nhóm	Tham gia 55-75% số lần họp nhóm	Tham gia 40-55% số lần họp nhóm	Tham gia dưới 40% số lần họp nhóm
Thái độ tham gia	20	Tích cực kết nối các thành viên trong nhóm	Kết nối tốt với các thành viên khác	Có kết nối nhưng đôi khi còn lơ là	Ít kết nối nhưng đôi khi còn lơ là, phải nhắc nhở	Không kết nối
Ý kiến đóng góp	20	Sáng tạo/rất hữu ích	Hữu ích	Tương đối hữu ích	Ít hữu ích	Không hữu ích
Thời gian giao nộp sản phẩm	10	Đúng hạn	Trễ ít, không gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Trễ nhiều, có gây ảnh hưởng đến chất lượng chung nhưng có thể khắc phục	Nộp muộn gây ảnh hưởng đến chất lượng chung	Không nộp/quá chậm gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng chung, không thể khắc phục

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Chất lượng sản phẩm giao nộp	40	Sáng tạo/đáp ứng tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng khá tốt yêu cầu của nhóm	Đáp ứng tương đối yêu cầu của nhóm	Đáp ứng một phần yêu cầu của nhóm, có điều chỉnh theo góp ý	Không sử dụng được

8.2.3. Đánh giá tiểu luận, đề án môn học, bài tập lớn

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Cấu trúc	10	Cấu trúc cân đối, hợp lý	Cấu trúc khá cân đối, hợp lý	Cấu trúc tương đối cân đối, hợp lý	Cấu trúc ít cân đối, thiếu hợp lý	Cấu trúc không cân đối, không hợp lý
Nội dung	70	-Nội dung có phân tích rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận hoàn toàn chặt chẽ, logic	-Nội dung phân tích khá rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận khá chặt chẽ, logic, còn sai sót nhỏ	-Nội dung phân tích tương đối rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận tương đối chặt chẽ, logic, có phần chưa đảm bảo	-Nội dung phân tích đôi khi chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề -Lập luận thiếu chặt chẽ, logic	-Nội dung phân tích chưa rõ ràng tầm quan trọng của vấn đề. -Lập luận không chặt chẽ, logic
Kết luận	15	Phù hợp và đầy đủ	Khá phù hợp và đầy đủ	Tương đối phù hợp và đầy đủ	Chưa phù hợp và đầy đủ	Không phù hợp và không đầy đủ

Tiêu chí	Trọng số (%)	A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Hình thức trình bày (font chữ, căn lề..)	5	Nhất quán về format trong toàn bài, không có lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, một vài lỗi nhỏ	Format vài chỗ không nhất quán, lỗi chính tả khá nhiều	Format nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả nhiều	Format rất nhiều chỗ không nhất quán, lỗi chính tả rất nhiều

8.2.4. Đánh giá bài tập lớn kết hợp vấn đáp

- Đánh giá bài tập lớn: Tối đa 06 điểm, trong đó: Hình thức bài tập lớn: Tối đa 1 điểm; Nội dung bài tập lớn: Tối đa 5 điểm. Đánh giá hình thức và nội dung bài tập lớn như tiêu chí 8.2.3.

- Trả lời vấn đáp: Tối đa 4 điểm. Đánh giá vấn đáp thực hiện như sau:

Mức chất lượng, hoàn thành yêu cầu				
A	B	C	D	F
8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Trả lời những nội dung trong câu hỏi một cách đầy đủ, rõ ràng, mạch lạc. Biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế	Trả lời những vấn đề trình bày trong câu hỏi khá đầy đủ, mạch lạc. Không biết vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tế.	Trả lời chỉ đạt 65% nội dung câu hỏi và chưa đầy đủ vấn đề liên quan câu hỏi	Trả lời chỉ đạt 50% nội dung câu hỏi	Không trả lời được kiến thức đã học

8.2.4. Đánh giá tự luận và các hình thức khác

Tiêu chí	Trọng số (%)	Mức chất lượng				
		A	B	C	D	F
		8,5 - 10	7,0-8,4	5,5-6,9	5,0-5,4	Không được dự thi kết thúc học phần
Nội dung	90	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu của câu hỏi, bài tập, có sự vận dụng kiến thức chuyên môn/lý thuyết vào thực tiễn	Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu của câu hỏi, bài tập	Trình bày tương đối đầy đủ nội dung của câu hỏi, bài tập	Trình bày chỉ một số nội dung của câu hỏi, bài tập	Bài làm nội dung không liên quan yêu cầu hay nội dung quá sơ sài, không cung cấp được thông tin cần thiết
Hình thức trình bày	10	Cẩn thận, rõ ràng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu	Khá cẩn thận, 1-2 nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, 2-3 nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng	Tương đối cẩn thận, 3-4 nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ ràng	Cấu thả và nội dung trình bày không rõ ràng

8.2.5. Đánh giá luận văn tốt nghiệp

Đánh giá luận văn tốt nghiệp bao gồm tổng thể các nội dung: Chất lượng luận văn và trả lời câu hỏi của các thành viên Hội đồng đánh giá luận văn. Đánh giá luận văn được thực hiện theo quy trình bảo vệ luận văn Nhà trường quy định.

Bảng 3. Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá các học phần với chuẩn đầu ra CTĐT

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá					
	Quá trình tham gia học tập	Bài tập nhóm/Seminar	Tiểu luận, đề án môn học, bài tập lớn	Vấn đáp	Hình thức tự luận và hình thức khác	Luận văn tốt nghiệp
CĐR1	X	X	X		X	
CĐR2	X	X	X		X	X
CĐR3	X	X	X	X	X	X

Chuẩn đầu ra của CTĐT	Phương pháp kiểm tra, đánh giá					
	Quá trình tham gia học tập	Bài tập nhóm/Seminar	Tiểu luận, đề án môn học, bài tập lớn	Vấn đáp	Hình thức tự luận và hình thức khác	Luận văn tốt nghiệp
CĐR4	X	X	X	X	X	X
CĐR5	X	X	X	X	X	X
CĐR6	X	X	X		X	X
CĐR7	X	X	X	X	X	X
CĐR8	X	X	X		X	X
CĐR9	X	X	X		X	X
CĐR10	X	X	X	X	X	X
CĐR11	X	X	X		X	X
CĐR12	X	X	X	X	X	X
CĐR13	X	X	X	X	X	X
CĐR14	X	X	X	X	X	X
CĐR15	X		X			X
CĐR16	X	X		X		
CĐR17	X	X	X	X	X	X
CĐR18	X	X	X			X
CĐR19	X	X	X			X
CĐR20	X	X	X			X
CĐR21	X	X	X			X
CĐR22	X	X	X			X

9. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

9.1. Cấu trúc chương trình

Cấu trúc của chương trình có 60 tín chỉ gồm các môn kiến thức chung 06 tín chỉ (TC) chiếm 10,0% chương trình đào tạo; các môn cơ sở và chuyên ngành 42 TC, chiếm 70,0% chương trình đào tạo, trong đó kiến thức bắt buộc là 24 TC chiếm 40,0% và kiến thức tự chọn là 18 TC chiếm 30,0%; luận văn thạc sỹ 12 TC, chiếm 20,0% chương trình đào tạo.

Khái quát khối lượng của chương trình đào tạo:

Khối lượng kiến thức	Số tín chỉ
I. Phần kiến thức chung	06
II. Phần kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	42
1. Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành	15
1.1. Kiến thức bắt buộc	09
1.2. Kiến thức tự chọn	06
2. Kiến thức chuyên ngành	27
2.1. Kiến thức bắt buộc	15
2.2. Kiến thức tự chọn	12
III. Luận văn thạc sĩ	12
TỔNG CỘNG	60

8.2. Nội dung chương trình

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (TC)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	BT, TL
I			KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	6	4	2
1	THOC	501	Triết học nâng cao	3	2	1
2	NCKH	502	Phương pháp nghiên cứu KH	3	2	1
II			KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	42	28	14
II.1			Kiến thức cơ sở của ngành và chuyên ngành	15	10	5
1	KTVM	503	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	3	0
2	TCTT	504	Lý thuyết tài chính-tiền tệ nâng cao	3	2	1
3	KTLU	505	Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng	3	2	1

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Khối lượng (TC)		
	Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	BT, TL
			<i>Các học phần tự chọn</i>	6	4	2
1	KTHQ	506	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	2	1
2	CSCO	507	Chính sách công	3	2	1
3	KNLĐQL	508	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	3	2	1
4	QLNNKT	509	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	2	1
II.2			Kiến thức chuyên ngành	27	18	9
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	15	10	5
1	TCQT	510	Tài chính quốc tế	3	2	1
2	QTRT	511	Quản trị rủi ro tài chính	3	2	1
3	TCDN	512	Tài chính doanh nghiệp	3	2	1
4	QTNH	513	Quản trị ngân hàng thương mại	3	2	1
5	QLTC	514	Quản lý tài chính công	3	2	1
			<i>Các học phần tự chọn</i>	12	8	4
1	PTTC	515	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3	2	1
2	CCPS	516	Công cụ phái sinh	3	2	1
3	KTTD	517	Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng	3	2	1
4	QTTC	518	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3	2	1
5	KDCK	519	Kinh doanh chứng khoán	3	2	1
6	DVTCS	520	Dịch vụ tài chính số	3	2	1
7	QLT	521	Quản lý thuế	3	2	1
III	LVTS	522	Luận văn Thạc sĩ	12	0	12
			TỔNG CỘNG	60	32	28

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của CTĐT																						
		CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR 7	CĐR 8	CĐR 9	CĐR 10	CĐR 11	CĐR 12	CĐR 13	CĐR 14	CĐR 15	CĐR 16	CĐR 17	CĐR 18	CĐR 19	CĐR 20	CĐR 21	CĐR 22	
3	Tài chính doanh nghiệp	1	2	3	3	2	2	2	2		1	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
4	Quản trị ngân hàng thương mại	1	2	3	3	2	2	2	2		2	2	3	2	3		2	3	2	2	2	2	2	2
5	Quản lý tài chính công	1	2	3	3	2	2	2	2		2	2	3	2	3		2	3	2	2	2	2	2	2
	Các học phần tự chọn																							
1	Phân tích tài chính doanh nghiệp	1	2	2	3	3	2	2	2		1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
2	Công cụ phái sinh	1	2	2	2	2	2	2	2		1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2
3	Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng	1	2	2	2	2	2	2	2		1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2
4	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	1	2	2	3	2	2	2	2		2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2	2
5	Kinh doanh chứng khoán	1	2	2	2	2	2	2	2		1	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2
6	Dịch vụ tài chính số		2	2	2	2	2	2	2		1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
7	Quản lý thuế	1	2	2	2	2	2	2	2		2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
III	Luận văn Thạc sĩ																							

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đỏ trống = không đóng góp.

9.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện			
	Phần chữ	Phần số			1	2	3	4
I			KHỐI KIẾN THỨC CHUNG	6				
1	THOC	501	Triết học nâng cao	3	X			
2	NCKH	502	Phương pháp nghiên cứu KH	3	X			
II			KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH VÀ CHUYÊN NGÀNH	42				
II.1			Kiến thức cơ sở của ngành và chuyên ngành	15				
1	KTVM	503	Kinh tế học vĩ mô nâng cao	3	X			
2	TCTT	504	Lý thuyết tài chính-tiền tệ	3	X			
3	KTLU	505	Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng	3			X	
			<i>Các học phần tự chọn</i>	6				
1	KTHQ	506	Kinh tế học hội nhập quốc tế	3	X			
2	CSCO	507	Chính sách công	3	X			
3	KNLĐQL	508	Kỹ năng lãnh đạo quản lý	3	X			
4	QLNNKT	509	Quản lý nhà nước về kinh tế	3	x			
II.2			Kiến thức chuyên ngành	27				
			<i>Các học phần bắt buộc</i>	15				
1	TCQT	510	Tài chính quốc tế	3		X		
2	QTRT	511	Quản trị rủi ro tài chính	3			X	
3	TCDN	512	Tài chính doanh nghiệp	3		X		
4	QTNH	513	Quản trị ngân hàng thương mại	3		X		
5	QLTC	514	Quản lý tài chính công	3			X	
			<i>Các học phần tự chọn</i>	12				
1	PTTC	515	Phân tích tài chính doanh nghiệp	3		X		
2	CCPS	516	Công cụ phái sinh	3		X		
3	KTTD	517	Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng	3			X	
4	QTTC	518	Quản trị tài chính công ty đa quốc gia	3			X	
5	KDCK	519	Kinh doanh chứng khoán	3			X	
6	DVTCS	520	Dịch vụ tài chính số	3			X	

TT	Mã số học phần		Tên học phần	Số tín chỉ	Học kỳ thực hiện			
	Phần chữ	Phần số			1	2	3	4
7	QLT	521	Quản lý thuế	3			X	
III	LVTS	522	Luận văn Thạc sĩ	12				X
			TỔNG CỘNG	60				

9.4. Mô tả các học phần

9.4.1. Học phần: *Triết học nâng cao*

- Mã học phần: THOC 501 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Triết học nâng cao là môn khoa học thuộc khối kiến thức chung gồm 8 chuyên đề nhằm: khái quát về lịch sử triết học như sự hình thành, phát triển của triết học Phương Đông, Phương Tây qua các thời kỳ lịch sử; trình bày chuyên sâu về thế giới quan duy vật biện chứng và phương pháp luận biện chứng duy vật thông qua nghiên cứu các chuyên đề về bản thể luận, phép biện chứng duy vật, nhận thức luận và vai trò của nó trong quá trình đổi mới ở Việt Nam. Đặc biệt, học phần đã trình bày khái quát quá trình vận dụng kiến thức Triết học Mác - Lênin của Đảng Cộng sản Việt Nam trong lựa chọn mô hình phát triển đất nước; trong sự kết hợp hài hòa giữa vấn đề giai cấp, dân tộc và nhân loại; trong đổi mới hệ thống chính trị; trong xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội; con người mới xã hội hội chủ nghĩa trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

9.4.2. Học phần: *Nghiên cứu khoa học*

- Mã học phần: NCKH502 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần trình bày những vấn đề tổng quan về nghiên cứu khoa học; giới thiệu các phương pháp định tính, định lượng, các cấp độ thang đo cũng như thiết kế công cụ đo lường nhằm thu thập, xử lý và phân tích thông tin, dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu khoa học; trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

9.4.3. Học phần: *Kinh tế học vĩ mô nâng cao*

- Mã học phần: KTVM503 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vĩ mô nâng cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần đề cập đến những kiến thức chuyên sâu về các lý thuyết kinh tế vĩ mô và các vấn đề căn bản về các chính sách kinh tế vĩ mô, làm rõ một số lý thuyết về tăng trưởng kinh tế trong dài hạn, và giới thiệu một số mô hình mới để ứng dụng vào phân tích chính sách cũng như lý giải các biến động kinh tế vĩ mô trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp thêm những kiến thức sâu hơn về các biến số kinh tế vĩ mô chủ yếu đã được đề cập đến trong chương trình học đại học cũng như mối quan hệ giữa các biến số này.

9.4.4. Học phần: *Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ*

- Mã học phần: KTVM504 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần tập trung vào việc trình bày những nội dung chuyên sâu về tài chính, tiền tệ như: quá trình cung ứng tiền tệ, lãi suất tín dụng, hệ thống tài chính, thị trường tài chính và các định chế tài chính trung gian. Trong đó bao gồm cả các vấn đề mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ của hoạt động tài chính tiền tệ.

9.4.5. Học phần: Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng

- Mã học phần: KTLU505 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế lượng tài chính và ứng dụng cung cấp những phương pháp và kỹ thuật kinh tế lượng căn bản và chủ yếu được sử dụng để phân tích những vấn đề trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Học phần được tiếp cận theo hướng ứng dụng nhằm giúp người học nắm bắt được dễ dàng cách thức sử dụng các phương pháp, mô hình kinh tế lượng. Học phần tập trung vào các mô hình dùng để phân tích và dự báo những vấn đề về tài chính; phương pháp phân tích hai loại dữ liệu được sử dụng chủ yếu trong tài chính là dữ liệu chuỗi thời gian và dữ liệu bảng gồm: mô hình chuỗi thời gian đơn biến, mô hình phương sai có điều kiện thay đổi, mô hình tự hồi qui vector, mô hình đồng liên kết và hiệu chỉnh sai số và các mô hình phân tích dữ liệu bảng.

9.4.6. Học phần: Kinh tế học hội nhập quốc tế

- Mã học phần: KTHQ506 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Kinh tế học hội nhập quốc tế là môn học kinh tế cơ sở, được phát triển trên cơ sở môn kinh tế quốc tế, có đi sâu về cơ sở lý luận các học thuyết kinh tế liên quan đến kinh tế thế giới, hội nhập kinh tế quốc tế. Đồng thời, cũng tìm hiểu về tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế thế giới thông qua đánh giá số liệu về kinh tế quốc tế ở mỗi nước, mỗi khu vực và trên thế giới

9.4.7. Học phần: Chính sách công

- Mã học phần: CSCO507 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức về chính sách công: hoạch định chính sách công, thực thi chính sách công, đánh giá chính sách công và phân tích chính sách công. Học viên sẽ được trang bị các kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách và vận dụng các kỹ năng phân tích và đánh giá chính sách để thực hiện phân tích và đánh giá một số chính sách tiêu biểu trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng.

9.4.8. Học phần: Kỹ năng lãnh đạo quản lý

- Mã học phần: KNLDQL508 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kỹ năng lãnh đạo, quản lý khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn về kỹ năng lãnh đạo, quản lý như: Kỹ năng nghiên cứu hoạch định chính sách; Kỹ năng tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ; Kỹ năng tổ chức và chủ trì hội họp; Kỹ năng quản lý xung đột; Kỹ năng phân công, ủy quyền và phối hợp trong công vụ. Đây là những vấn đề cần thiết trong công tác quản lý hướng tới mục tiêu kỷ luật và hiệu quả công việc.

9.4.9. Học phần: Quản lý nhà nước về kinh tế

- Mã học phần: QLNNKT509 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Kinh tế học vĩ mô nâng cao thuộc khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần đề cập đến những kiến thức chuyên sâu về: Tổng quan quản lý Nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế; Mục tiêu, chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Công cụ và phương pháp quản lý nhà nước về kinh tế; Bên cạnh đó, học phần cung cấp thêm những kiến thức sâu hơn về công tác cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế.

9.4.10. Học phần: Tài chính quốc tế

- Mã học phần: TCQT510 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần tài chính quốc tế trong chương trình đào tạo trình độ cao học với những kiến thức cơ bản được trang bị về xác định tỷ giá hối đoái và xác lập cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tài chính quốc tế, đầu tư quốc tế trực tiếp, khủng hoảng tài chính quốc tế và khủng hoảng nợ quốc tế... Trên cơ sở đó cung cấp các kiến thức về môi trường tài chính quốc tế mà tại đó các công ty sẽ hoạt động trong quá trình hội nhập với nền kinh tế toàn cầu, bao gồm các lý thuyết kinh điển trong tài chính quốc tế thể hiện mối tương quan giữa các biến số kinh tế vĩ mô như lạm phát, lãi suất và tỷ giá; việc lựa chọn các chính sách trong nhiều kịch bản kinh tế khác nhau và thực tiễn các mô hình khủng hoảng tài chính toàn cầu đã xảy ra trong vài thập niên gần đây.

9.4.11. Học phần: Quản trị rủi ro tài chính

- Mã học phần: TCQT511 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Quản trị rủi ro tài chính là học phần thuộc kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề cơ bản rủi ro tài chính; nhận dạng, đo lường mức độ rủi ro, nguyên nhân rủi ro của từng loại rủi ro cụ thể: rủi ro tín dụng, rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá ở doanh nghiệp và ngân hàng thương mại; Lựa chọn và sử dụng các biện pháp quản trị rủi ro trên cơ sở sử dụng các công cụ tài chính phái sinh phù hợp cho từng loại rủi ro tài chính cụ thể nhằm ngăn ngừa tổn thất và tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp, ngân hàng thương mại.

9.4.12. Học phần: Tài chính doanh nghiệp

- Mã học phần: TCDN512 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Tài chính doanh nghiệp nâng cao là một khoa học thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm 6 chuyên đề nhằm khái quát về tài chính doanh nghiệp và đi sâu vào các báo cáo tài chính để phân tích, đánh giá. Học phần chủ yếu nghiên cứu chi tiết các quyết định về hàng hóa tồn kho, về tồn quỹ, về chính sách bán chịu và các khoản phải thu trong thời gian ngắn hạn; ngoài ra là các quyết định dài hạn về đầu tư, về dòng tiền và phương pháp lựa chọn dự án đầu tư; các cổ tức và lợi nhuận của cổ tức; quá trình tạo lập, phân phối và sử dụng về tài chính của các tập đoàn kinh tế.

9.4.13. Học phần: Quản trị ngân hàng thương mại

- Mã học phần: QTNH513 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị đối với các lĩnh vực hoạt động của NHTM. Học phần này đề cập đến các nội dung sau: Phân tích tài chính NHTM, Quản trị Tài sản –Nợ (ALM); quản trị rủi ro; quản trị chiến lược kinh doanh ngân hàng.

9.4.14. Học phần: Quản lý tài chính công

- Mã học phần: QLTC514 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần Quản lý tài chính công thuộc khối kiến thức chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng. Học phần tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận chuyên sâu và thực tiễn của quản lý tài chính công như: Phân cấp Ngân sách Nhà nước; Quản lý chi tiêu công (khuôn khổ chi tiêu trung hạn, quản lý chi theo kết quả hoạt động); Quản lý nợ công; Cơ chế tự chủ tài chính trong cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Đây là những vấn đề về quản lý công hiện đại hướng tới mục tiêu kỷ luật tài khóa và hiệu quả phân bổ, hiệu quả hoạt động.

9.4.15. Học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp

- Mã học phần: PTTC515 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Phân tích tài chính doanh nghiệp là môn kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp như: Khái niệm tài chính doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp, đặc điểm của phân tích tài chính doanh nghiệp, đối tượng và nội dung phân tích tài chính doanh nghiệp, các công cụ và kỹ thuật sử dụng trong phân tích tài chính doanh nghiệp. Học phần phân tích chính sách huy động và sử dụng vốn trong trong doanh nghiệp từ đó đưa ra những đánh giá về chính sách tài chính doanh nghiệp. Đồng thời, môn học còn phân tích tiềm lực tài chính, rủi ro tài chính, đưa ra các dự báo một số chỉ tiêu tài chính.

9.4.16. Học phần: Công cụ phái sinh

- Mã học phần: CCPS516 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức về công cụ phái sinh như: hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi. Học viên sẽ được trang bị các kỹ năng thực hành giao dịch phái sinh trong kinh doanh và quản trị rủi ro của các định chế tài chính và phi tài chính tham gia vào thị trường.

9.4.17. Học phần: Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng

- Mã học phần: KTTD517 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng là học phần tự chọn thuộc kiến thức chuyên ngành. Học phần cung cấp cho học viên những vấn đề cơ bản của kiểm toán các tổ chức tín dụng, ngân hàng như khái niệm, sự cần thiết, mục tiêu, nguyên tắc, phương pháp kiểm toán. Bên cạnh đó, học phần cũng đi sâu làm rõ một số nội dung kiểm toán cơ bản như: kiểm toán hoạt động tín dụng, kiểm toán hoạt động huy động vốn, kiểm toán hoạt động kinh doanh giao dịch, kiểm toán báo cáo tài chính.

9.4.18. Học phần: Quản trị tài chính công ty đa quốc gia

- Mã học phần: QTTC518 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc phân tích, đánh giá và đưa ra các quyết định quản trị tài chính đối với các lĩnh vực hoạt động của Công ty đa quốc gia. Học phần này đề cập đến các nội dung sau: Tổng quan về công ty đa quốc gia, Quản trị rủi ro tỷ giá hối đoái, Các quyết định đầu tư và tài trợ dài hạn, Tài trợ ngắn hạn và quản trị tiền mặt quốc tế, Chuyển giá.

9.4.19. Học phần: Kinh doanh chứng khoán

- Mã học phần: KDCK519 Số tín chỉ: 03

Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần cung cấp tổng quát về kinh doanh chứng khoán như điều kiện kinh doanh, mô hình tổ chức kinh doanh, cũng như các nghiệp vụ cụ thể về kinh doanh chứng khoán: môi giới và tự doanh, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Học viên cũng được cung cấp thông tin cơ bản về hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động kinh doanh chứng khoán tại Việt Nam hiện nay.

9.4.20. Học phần: Dịch vụ tài chính số

- Mã học phần: DVTCS520 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Học phần nhằm trang bị cho học viên kiến thức làm quen với những thay đổi mạnh mẽ trong bối cảnh chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính, gồm các kiến thức cơ bản về quá trình chuyển đổi kỹ thuật số trong ngành tài chính, từ dịch vụ ngân hàng truyền thống sang ứng dụng kỹ thuật số trong hoạt động, các mô hình và cấu trúc kinh doanh kỹ thuật số, cũng như nghiên cứu các cuộc khủng hoảng tài chính ảnh hưởng tới dịch vụ tài chính toàn cầu. Học viên được tìm hiểu các công nghệ đột phá hiện đang được sử dụng trong dịch vụ tài chính. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho học viên kiến thức về dịch vụ ngân hàng ản, cũng như đưa ra góc nhìn về tương lai của ngành dịch vụ tài chính.

9.4.21. Học phần: Quản lý thuế

- Mã học phần: QLT521 Số tín chỉ: 03

- Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Quản lý thuế là môn khoa học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho học viên những lý luận cơ bản về hệ thống thuế và quản lý thuế, như: khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc, nội dung và mô hình quản lý thuế. Đồng thời, học phần cũng đi sâu vào những nội dung cơ bản của công tác quản lý thuế, như: lập dự toán thu thuế; tuyên truyền hỗ trợ người nộp thuế; quản lý đăng ký, kê khai, nộp thuế; thanh tra, kiểm tra thuế; quản lý nợ thuế và cưỡng chế thuế.

10. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1. Đội ngũ giảng viên

Đội ngũ giảng viên là chủ thể, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và sự phát triển của Nhà trường. Nhiệm vụ của đội ngũ giảng viên vừa phải giúp người học đáp ứng được khả năng hội nhập, vừa phải giúp họ nâng cao tính ứng dụng trong công việc chuyên môn. Trong những năm qua, Nhà trường luôn chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ giảng viên cả về số lượng và chất lượng. Tính đến tháng 12/2022, Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh có 190 giảng viên cơ hữu, trong đó có 1 Phó giáo sư, 20 Tiến sĩ và 170 Thạc sĩ. Trong đó Khoa Tài chính – Ngân hàng là Khoa phụ trách chương trình có 1 Phó Giáo sư, 5 Tiến sĩ và 26 Thạc sĩ.

10.2. Tài liệu tham khảo

Thư viện gồm 02 phòng đọc cho sinh viên, có đủ giáo trình, đề cương bài giảng, sách bài tập và tài liệu tham khảo, có 60 máy vi tính kết nối internet. Hiện thư viện có 1.655 đầu sách, tài liệu tham khảo với 9.714 bản; 50 loại báo và tạp chí.

10.3. Cơ sở vật chất

- Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh có 2 cơ sở với tổng diện tích đất của trường: 20,8 ha, trong đó tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường là 27.466 m². Với số phòng học là 56 phòng có sức chứa từ 50 đến 100 sinh viên, mỗi phòng học đều được trang bị các thiết bị dạy học hiện đại như máy chiếu, mic, loa, ...

- Ngoài hệ thống phòng học, giảng đường, trường còn có hệ thống phòng thực hành đa năng, có kết nối mạng LAN, Internet để sinh viên thực hành tin học, phần mềm kế toán, phần mềm mô phỏng hệ thống quản lý ngân hàng.

- Ký túc xá của Trường với các thiết bị hiện đại (điều hòa, nóng lạnh, tivi, wifi,...) đáp ứng cho 1424 chỗ ở nội trú cho sinh viên.

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

11.1. Đối với các đơn vị đào tạo

- Phòng Quản lý đào tạo xây dựng kế hoạch từng học kỳ, năm học; Phổ biến kế hoạch tới học viên; theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện theo kế hoạch. Đầu mỗi học kỳ, Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với các khoa phân công giảng viên giảng dạy các học phần và triển khai kế hoạch đào tạo.

- Các khoa chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì biên soạn đề cương các học phần theo đúng khối lượng tín chỉ của chương trình đào tạo. Cung cấp danh mục giáo trình, bài giảng và tài liệu tham khảo của tất cả các học phần cho Trung tâm Thông tin – Thư viện của trường và lưu tại văn phòng Khoa.

- Đội ngũ cố vấn học tập phải hiểu cặn kẽ toàn bộ chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ để hướng dẫn học viên đăng ký học phần.

11.2. Đối với giảng viên

- Khi giảng viên được phân công giảng dạy một hoặc nhiều học phần cần phải nghiên cứu kỹ nội dung đề cương chi tiết từng học phần để chuẩn bị bài giảng và các phương tiện đồ dùng dạy học phù hợp.

- Giảng viên phải chuẩn bị đầy đủ bài giảng, nguồn giáo trình, tài liệu học tập cung cấp cho sinh viên để chuẩn bị trước khi lên lớp.

- Tổ chức cho học viên các buổi Seminar, chú trọng đến việc tổ chức học nhóm và hướng dẫn học viên làm tiểu luận, giảng viên xác định các phương pháp truyền thụ; thuyết trình tại lớp, hướng dẫn thảo luận, giải quyết những vấn đề tại lớp, tại phòng thực hành và hướng dẫn sinh viên viết thu hoạch.

- Quan tâm đến phát triển khả năng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong suốt quá trình giảng dạy và hướng dẫn thực hành, thực tập.

11.3. Đối với học viên

- Phải tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để lựa chọn học phần cho phù hợp với tiến độ. Phải tự nghiên cứu bài học trước khi lên lớp để dễ tiếp thu bài giảng. Phải đảm bảo đầy đủ thời gian lên lớp để nghe hướng dẫn bài giảng của giảng viên. Tự giác trong việc tự học và tự nghiên cứu, đồng thời tích cực tham gia học tập theo nhóm, tham dự đầy đủ các buổi Seminar.

- Chủ động, tích cực khai thác các tài liệu trên mạng và trong thư viện của trường để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu và làm khóa luận tốt nghiệp. Thực hiện nghiêm túc quy chế thi cử, kiểm tra, đánh giá.

- Thường xuyên tham gia các hoạt động đoàn thể, văn-thể-mỹ để rèn luyện kỹ năng giao tiếp, hiểu biết về xã hội và con người.